



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng Xét nghiệm Medlatec số 1 - Trần Hưng Đạo, Hưng Yên**

Medical Laboratory: **Laboratory Medlatec No.1 - Tran Hung Dao, Hung Yen**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Medlatec Việt Nam**

Organization: **Medlatec Viet Nam Company Limited**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh, Huyết học**

Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology**

Người phụ trách/ **Nguyễn Thị Yên**

Representative: **Nguyen Thi Yen**

Số hiệu/ Code: **VILAS MED 140**

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày /01/2026 đến ngày 18/07/2029

Địa chỉ/ Address: **77 Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên/**

77 Chu Van An, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province

Địa điểm/Location: **77 Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên/**

77 Chu Van An, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province

Điện thoại/Tel: **0325455075**

Email: **duyen.vuthi4@medlatec.com**

Website: **www.medlatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 140

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết thanh/ Huyết tương <i>Serum/ Plasma (Heparin Lithium)</i>	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	<i>Hexokinase</i>	MEDTB.XN.QTXN.HS.15 (2025) (Abbott Ci8200)
2.		Định lượng AST <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST)</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetics</i>	MEDTB.XN.QTXN.HS.03 (2025) (Abbott Ci8200)
3.		Định lượng ALT <i>Determination of Alanin Aminotransferase (ALT)</i>		MEDTB.XN.QTXN.HS.01 (2025) (Abbott Ci8200)
4.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Enzym so màu <i>Enzymmatic colormetric</i>	MEDTB.XN.QTXN.HS.21 (2025) (Abbott Ci8200)
5.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>		MEDTB.XN.QTXN.HS.08 (2025) (Abbott Ci8200)
6.		Định lượng axit Uric <i>Determination of acid Uric</i>		MEDTB.XN.QTXN.HS.22 (2025) (Abbott Ci8200)
7.		Định lượng Creatinine <i>Determination of Creatinine</i>	Động học enzym 2 điểm <i>Enzym kinetics colorimetric two points</i>	MEDTB.XN.QTXN.HS.10 (2025) (Abbott Ci8200)



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 140****Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học***Discipline of medical testing: Hematology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Máu toàn phần (ETDA) Whole blood (ETDA)	Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	MEDTB.XN.QTXN.HH.06 (2025) (Mindray BC760)
2.		Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>		MEDTB.XN.QTXN.HH.04 (2025) (Mindray BC760)
3.		Đếm số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelets count (PLT)</i>		MEDTB.XN.QTXN.HH.05 (2025) (Mindray BC760)

Ghi chú/ Note:

- MEDTB.XN.QTXN.: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Phòng Xét nghiệm Medlatec số 1 - Trần Hưng Đạo, Hưng Yên cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory Medlatec No.1 - Tran Hung Dao, Hung Yen that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*